TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 18/7/2019.
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Tường Vy.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Thái Thị Thủy Tiên;
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về: "Tranh chấp kiện đòi tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2019/QĐST-DS ngày 27/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Hoàng Cơ Th – 1973 và bà Đoàn Thị Hồng M – 1975.

Nơi cư trú: số 95/2, ấp D, xã N, huyện C, Đồng Nai. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: ông Đặng Kim T – 1976 *(Có mặt)* và bà Trần Nữ Nguyệt C – 1991. *(Vắng mặt).*

Cùng cư trú: số 8/7C, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Nữ Nguyệt C: ông Đặng Kim N – 1974.

Nơi cư trú: 8/7C, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền ngày 26/6/2019). *(Có mặt)*

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn S – Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: đường 9, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

- Bà Hà Thị U – Sinh năm: 1955; Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, Đồng Nai. *(Có mặt)*

- Ông Phan Văn N – 1982; Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

- Ông Khổng Tường L – Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu *(Vắng mặt)*

- Ông Phạm Bá Q – Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện được lập ngày 10/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung 26/3/2019, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Hoàng Cơ Th và bà Đoàn Thị Hồng M trình bày:

Vợ chồng ông bà, cùng với ông Nguyễn Văn S và vợ chồng ông Đặng Kim T, bà Trần Nữ Nguyệt C góp tiền mua 1 miếng đất tại xã S với số tiền sau khi đã đặt cọc là 1.490.000.000 đồng (trước đó số tiền đặt cọc các bên đã tính toán xong). Mỗi bên thỏa thuận sẽ góp vào mua đất là 496.600.000 đồng (có số lẻ). Ban đầu vợ chồng ông bà đi vay mượn đã góp vào mua đất là 463.500.000 đồng (trong số tiền này anh S có mượn từ ông T số tiền 3.500.000 đồng lúc đi bán vàng để giao tiền đất); ông S góp vào mua đất là 320.000.000 đồng và vợ chồng ông T góp vào là 710.000.000 đồng.

Sau khi sang tên QSD thửa đất đứng tên ông T, thì các bên thống nhất là đem sổ chủ quyền đất trên để đi vay số tiền 790.000.000 đồng. Và thống nhất các bên sẽ chịu tiền nợ ngân hàng là 263.300.000 đồng và lãi suất trên số tiền vay. Ngày 27/8/2018, ông T đem tiền vay Ngân hàng về số tiền 790.000.000 đồng để chia lại tiền góp mua đất.

Lúc này ông T đưa cho vợ chồng ông tổng số tiền là 626.800.000 đồng (số tiền này ông T đưa cho vợ chồng ông bà là do ông T tính số tiền mà ông bà đã góp vào mua đất ban đầu là 463.500.000 đồng + số tiền USD của ông T góp mua đất tương đương 139.700.000 đồng + số tiền lãi ông bà đi vay để góp mua đất là 23.600.000 đồng) nhưng lúc đó có làm giấy là vợ chồng ông bà nhận 627.300.000 đồng. Ngay lúc đó thì ông bà trả lại cho ông T số tiền 139.700.000 đồng (tương đương với số tiền USD ông T góp vào mua đất). Số tiền vợ chồng ông bà còn lại là 487.100.000 đồng, khi nhận lại số tiền này xem như ông bà chưa góp vào tiền mua đất, cũng như chưa nhận số tiền của Ngân hàng. Vì vậy, lúc đó vợ chồng ông Th, bà M đã đưa lại cho ông T số tiền 233.300.000 đồng là tiền góp mua đất + với số tiền Ngân hàng mà ông T, bà M sẽ chịu nợ Ngân hàng là 263.300.000 đồng (do số tiền này ông T chưa đưa). Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông Th, bà M góp mua đất là 496.600.000 đồng.

Do giữa vợ chồng ông bà và ông T có mượn qua lại tiền của nhau, vợ chồng ông Th, bà M nợ ông T là 350.000.000 đồng, còn ông T nợ vợ chồng ông bà là 209.500.000 đồng, nên cấn trừ qua lại vợ chồng ông bà còn nợ ông T số tiền là 140.500.000 đồng, nên lúc đó vợ chồng ông cũng đã trả lại cho ông T số tiền trên. Sau khi tính toán xong vợ chồng ông bà đem về số tiền 113.300.000 đồng. Sau đó, về nhà vợ chồng tính toán lại thì thấy tiền lãi từ số tiền mình vay mua đất mà tính vào tiền góp mua là không đúng nên vợ

chồng ông bà đã trả lại cho ông T số tiền 23.600.000 đồng. Như vậy, số tiền ông bà còn giữ là 89.700.000 đồng.

Sau đó vì không đồng ý cách tính toán nên ông T yêu cầu các bên đem tiền đến tính lại vào ngày 14/10/2018, và vợ chồng ông bà có đem theo số tiền 790.000.000 đồng để mục đích diễn lại việc chia tiền và cũng thực hiện chia giống lúc đầu. Lúc này ông T cũng thống nhất cách chia như vậy nên vợ chồng ông Th, bà M đem tiền về và lập biên bản làm việc vào ngày 14/10/2018, biên bản trên được các bên thống nhất ký vào.

Tuy nhiên, sau đó thì ông T lại tiếp tục không đồng ý và yêu cầu vợ chồng ông Th, bà M đem số tiền 487.100.000 đồng (tuy nhiên vì không đủ tiền nên có ghi 1 tờ giấy ghi mệnh giá 26.000.000 đồng, còn lại là tiền mặt), và ông T góp vào 1 khoản cho đủ số tiền 790.000.000 đồng. Trong quá trình chia do ông T thực hiện việc chia, sau đó ông T đem tiền là 409.000.000 đồng của ông bà bỏ vào giỏ và chạy đi. Ông bà cho rằng, số tiền trên là tiền ông bà mượn để diễn giải lại việc chia tiền ngày đem tiền vay về (tức là ngày 27/8/2018), chứ không phải tiền vay ngân hàng, nhưng ông T lại lấy của vợ chồng ông bà đem đi. Sau đó, ông bà có báo Công an xã thì Công an xã N mời các bên lên làm việc nên ông T đã viết tờ giấy ghi nhận việc đã lấy của vợ chồng ông Th, bà M số tiền 409.000.000 đồng và đồng ý trả gấp đôi nếu ông T sai. Vì vậy, vợ chồng ông Th, bà M đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà C trả số tiền 409.000.000 đồng. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện bổ sung ông bà còn yêu cầu ông T, bà C phải bồi thường thiệt hại thêm số tiền 409.000.000 đồng do việc ông T lấy đi số tiền trên và vì ông T đã tự nguyện ghi vào biên nhận là sẽ trả gấp đôi nếu ông T sai. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông bà chỉ yêu cầu ông T, bà C bồi thường thiệt hại số tiền là 250.000.000 đồng, vì việc ông T, bà C lấy đi số tiền của ông bà nên ông bà phải đi vay mượn để trả số tiền trên cho ông Phan Văn N là người cho ông bà mượn tiền để diễn giải lại sự việc ngày 20/10/2018 và hiện tại ông bà phải chịu lãi suất vay nóng khoảng 25.000.000 đồng/tháng tiền lãi.

* Tại các bản tường trình, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Đặng Kim T trình bày: Ông thống nhất việc vợ chồng ông, cùng vợ chồng ông Th, bà M và ông Nguyễn Văn S có góp vốn mua đất, giá trị đất sau khi đặt cọc còn là 1.490.000.000 đồng. Ông đã góp 710.000.000 đồng, vợ chồng ông Th, bà M góp 460.000.000 đồng; ông S góp là 320.000.000 đồng. Sau khi ra Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông, thì các bên thống nhất ông sẽ đem Giấy CNQSD đất trên để đi vay Ngân hàng số tiền là 790.000.000 đồng, chia cho 3 bên, mỗi bên chịu tiền vay ngân hàng số tiền là 263.300.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay. Số tiền sau khi vay đem về không đưa trực tiếp cho các bên, mà sau khi vay ông đã đưa cho bà M số tiền 487.100.000 đồng và bà M đưa lại cho ông số tiền là 233.300.000 đồng. Sau đó vì ông có nợ ông Th, bà M 209.500.000 đồng và ông Th, bà M cũng nợ vợ chồng ông số tiền 350.000.000 đồng, cấn trừ qua lại thì ông Th, bà M trả cho ông số tiền là là 140.500.000 đồng. Sau khi chia xong ông nhận được số tiền 676.700.000 đồng (bao gồm 8000 USD) đem đi, sau đó 2 tháng sau bà M đưa cho ông lại số tiền là 23.600.000 đồng. Ngày hôm vay ngân hàng đem tiền về chia (ngày 27/8/2018) có ghi trong tờ giấy tính số tiền các bên nhận (ông đã gửi cho Tòa án).

Sau đó, về tính toán lại ông thấy mình đã tính sai, bị thiệt phần ông nên ông đã yêu

cầu ông Th, bà M đến tính toán lại, sau đó ngày 14/10/2019 bên bà M đem biên bản tính toán tiền (là Biên bản làm việc 3 bên ông T, bà M đã nộp cho Tòa) và ông cũng đồng ý ký vào biên bản.

Nhưng sau khi xem lại biên bản thì ông không đồng ý cách tính như vậy nên đã yêu cầu vợ chồng ông Th đem tiền tính lại nhưng ông bà không đem, sau đó đến ngày 20/10/2018, ông đem 302.900.000 đồng (ông mượn ông Q), còn bà M, ông Th đem số tiền mặt 463.500.000 đồng + tờ giấy ghi số tiền 23.600.000 đồng để đủ số tiền mà trước đó khi vay Ngân hàng về ông đã đưa cho bà M là 487.100.000 đồng. Trong quá trình tính toán thì ông tính ông S sẽ nhận 86.700.000 đồng (phải tự gánh nợ ngân hàng là 263.300.000 đồng); vợ chồng Th nhận 226.700.000 đồng (gánh nợ ngân hàng 263.300.000 đồng); còn ông nhận là 476.700.000 đồng (ông cũng chịu khoản vay tại ngân hàng 263.300.000 đồng). Ông cũng có hỏi các bên là ông tính vậy đúng không, sau đó ông cũng tính luôn tiền nợ các bên. Lúc đó ông có mượn của ông Q số 216.200.000 đồng để tính lại việc chia nên đã trả lại cho ông Q ngay lúc đó và ông S cũng trả lại số tiền 86.700.000 đồng cho ông Q, (tổng cộng trả đủ số tiền mượn ban đầu của ông Q là 302.900.000 đồng). Còn lại ông giữ 400.900.000 đồng và bỏ vào giỏ của vợ ông là bà C, vì ông cho rằng đây là số tiền ông đã đưa cho ông Th, bà M. Lúc này, bà M giằng co, cấu vào vợ ông để giành lại tiền. Sau đó, ông cũng đem được số tiền về, nhưng vợ ông vẫn ở nhà bà M nên ông có quay lại nhà bà M thì thấy có Công an xã, sau đó các bên lên xã làm việc. Khi đó, ông Th và 1 người bạn của ông Th gây áp lực cho ông, bắt ông phải viết giấy biên nhận nhưng do lúc đó nhầm lẫn nên ông viết đã nhận 409.000.000 đồng, thực chất ông chỉ nhận 400.900.000 đồng.

Theo ông, thì việc ông đã trả số tiền 487.100.000 đồng cho vợ chồng bà M, ông Th trước đó là không đúng, gây thiệt hại cho ông, nên việc ông lấy số tiền 400.900.000 đồng là đúng. Nên ông không đồng ý trả lại số tiền 409.000.000 đồng và bồi thường thêm số tiền 409.000.000 đồng theo như yêu cầu của nguyên đơn.

* Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là bà Trần Nữ Nguyệt C trình bày: Bà thống nhất hoàn toàn lời trình bày của chồng bà là ông Đặng Kim T, bà không đồng ý trả tiền và bồi thường theo yêu cầu của ông Th, bà M. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Đặng Kim N là người đại diện theo ủy quyền cho bà C trình bày: Ông không có ý kiến trình bày gì thêm.

* Tại bản tự khai (BL 132), người làm chứng là ông Phạm Bá Q trình bày: Vào ngày ông U (tức ông T), ông S, ông Th chia tiền. Ông có cho ông U mượn 300.000.000 đồng và cùng với ông U đi ra ngoài nhà của ông Th để ông U chia tiền. Khi chia tiền xong thì ông U trả tiền lại cho ông, rồi ông U rời khỏi nhà ông Th sau đó vợ ông Th có giựt tiền của ông chạy vô trong phòng được mọi người khuyên ngăn bà vợ ông Th đã trả tiền lại cho ông, rồi ông đi về, sau đó ông không biết thêm gì nữa.

* Tại bản tự khai (BL 131) ông Khổng Tường L trình bày: Vào hôm chia tiền ông được nhờ làm thư ký để giữ các khoản tiền được chia cho các bên. Số tiền 790.000.000 đồng. Ông S nhận được 86.700.000 đồng, ông T nhận được 476.700.000 đồng; ông Th nhận được 226.700.000 đồng. Sau khi chia các khoản vay từ ngân hàng mọi người đồng thống nhất nhận phần được chia theo tỷ lệ góp vốn ban đầu. Sau khi

chia còn lại số tiền 400.900.000 đồng phần tiền này thuộc về ông T. Sau đó ông thấy ông T lấy bịch tiền 400.900.000 đồng rời khỏi nhà ông Th và ông cùng ông Q ra về.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là bà Hà Thị U trình bày: Bà là hàng xóm của ông Th, bà M, bà có chứng kiến việc các bên chia tiền ngày 20/10/2018. Tuy nhiên, bà không biết rõ số tiền bà các bên góp vào để chia như thế nào. Nhưng biết tổng số tiền các bên bỏ ra để chia là 790.000.000 đồng, trong số đó có 400.000.000 đồng của anh Phan Văn N cho ông Th, bà M mượn. Sau khi chia xong, T lấy tiền trả cho người T mượn trước đó, còn lại số tiền 409.000.000 đồng T ôm chạy đi. Ông Th, bà M định đuổi theo nhưng được mọi người can ngăn, nên sau đó bà ra về. Sau đó, vì anh N cho bà M mượn tiền nhưng số tiền này anh N mượn trong ngày phải trả cho người khác. Vì bà M đến xin bà mượn tiền nên bà cũng đi vay mượn nhiều nơi để cho bà M, ông Th mượn số tiền 409.000.000 đồng và hàng tháng bà phải trả lãi cho người ta là 25.000.000 đồng đối với số tiền vay 409.000.000 đồng. Đối với số tiền này, hiện ông Th, bà M vẫn chưa trả cho bà cả tiền gốc và lãi suất.

* Tại biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là anh Phan Văn N trình bày: Anh có biết sự việc ông Th, ông T và ông S hùn nhau mua đất nhưng vẫn còn chưa thỏa mãn việc tính toán với nhau, do ông Th kể. Trước ngày 20/10/2018, ông Th có nhờ ông mượn số tiền 400.000.000 đồng để ngày 20/10/2018 góp vào cho đủ số tiền 487.100.000 đồng để diễn giải lại việc chia tiền. Số tiền ông Th, bà M góp vào để chia lúc đó là 400.000.000 đồng (tiền của anh) + 60.000.000 đồng + 1.100.000 đồng của anh S và để cho đủ số tiền của ông Th thì có ghi thêm tờ giấy để xem như là số tiền 26.000.000 đồng.

Trong quá trình chia tiền thì ông T giành chia trước, sau khi chia xong ông T hỏi chia vậy đúng không thì mọi người đồng ý và ông Th yêu cầu gom tiền lại để ông Th chia theo cách ông Th thì ông T không chịu. Ông T lúc đó lấy tiền trả lại cho ông Q (vì ông T mượn tiền của ông Q để thực hiện việc chia). Sau đó ông T lấy số tiền 409.000.000 đồng tiền còn lại bỏ vào túy của vợ và ôm túi bỏ chạy. Ông Th định chạy theo nhưng được mọi người căn ngăn, sau đó ông Th báo Công an xã N. Và mọi người xuống Công an xã làm việc, thì ông T đã tự việc tờ giấy ghi số tiền mình đã lấy và đồng ý bồi thường nếu sai.

* Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là ông Nguyễn Văn S trình bày: Theo ông lời trình bày của nguyên đơn về số tiền góp vào mua đất là đúng. Số tiền sau khi nhận tiền từ ngân hàng về các bên đã tiến hành chia tiền xong là đã lập biên bản giữa 3 bên kí vào là đúng. Vào ngày chia tiền vay từ ngân hàng ông T cũng đã nhận được số tiền 676.700.000 đồng, sau đó bà M có đưa thêm cho ông T số tiền 23.600.000 đồng. Tổng số tiền của ông T nhận trong đó bao gồm cả tiền còn lại của tôi. Tuy nhiên, do anh T không đồng ý cách tính nên ngày 20/10/2018, ông Th, bà M, ông T có góp tiền lại cho đủ số tiền 790.000.000 đồng mục đích để thực hiện diễn tả việc chia lại cho ông T hiểu. Bên ông Th bỏ ra số tiền 487.100.000 đồng (trong đó có 1 tờ giấy ghi mệnh giá 26.000.000 đồng) còn ông T cũng bỏ vào cho đủ số tiền 790.000.000 đồng. Trong quá trình chia, sau khi ông T nói đã chia xong

thì ông T trả cho ông Q số tiền ông T đã mượn để góp vào chia, còn lại số tiền 409.000.000 đồng ông T bỏ vào giỏ và đem đi.

* Ý kiến đại diện VKS:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký, người tham gia tố tụng được thực hiện đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Vì toàn bộ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều thể hiện ngày 20/10/2018 ông Th, bà M có đem theo số tiền 487.100.000 đồng để góp vào cho đủ số tiền 790.000.000 đồng mục đích để diễn tả lại việc chia tiền. Và trong quá trình chia ông T đã đem số tiền 409.000.000 đồng bỏ đi, đây là tiền của bà M, ông Th. Vì vậy, buộc ông T, bà C phải trả lại cho ông Th, bà M. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn do bị đơn lấy đi số tiền trên, vì trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không chứng minh được có thiệt hại nên yêu cầu trên không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: ông Hoàng Cơ Th và bà Đoàn Thị Hồng M có đơn khởi kiện ông Đặng Kim T và bà Trần Nữ Nguyệt C yêu cầu trả số tiền 409.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại thêm số tiền 409.000.000 đồng, do ông T đã lấy tiền của ông bà. Theo Sổ hộ khẩu (tại BL 25 – 28) xác định, ông T và bà C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường số 7, ấp Suối Sóc, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BTTDS thì đây là vụ án tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, cụ thể là tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm; vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông T cung cấp giấy ủy quyền ký ngày 26/6/2019, với nội dung: ông Đặng Kim T và bà Trần Nữ Nguyệt C ủy quyền cho ông Đặng Kim N tham gia tố tụng trong vụ án trên. Tuy nhiên, ông T có ý kiến hiện ông không đồng ý tiếp tục ủy quyền cho ông N, mà ông sẽ tự mình tham gia tố tụng trong vụ án. Như vậy, theo văn bản ủy quyền trên thì ông N chỉ đại diện theo ủy quyền cho bà C. Vì vậy, do bà C đã ủy quyền cho ông Đặng Kim N nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C là phù hợp theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Trong quá trình xét xử và án và tại phiên tòa mở lẫn thứ nhất, ông Đặng Kim T có đề nghị 5 luật sư là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông là: ông Nguyễn Văn N, ông Lê Quang Y, ông Hoàng Văn M, ông Nguyễn Trí T, ông Đào Viện T và Tòa án cũng đã chấp nhận vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền, lợi ích cho đương sự đối với 5 luật sư trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông T trình bày là ông không yêu cầu

các luật sư trên bảo vệ cho ông nữa, ông sẽ tự bảo vệ quyền lợi cho ông. Vì vậy, xem như 5 luật sư trên không còn tư cách để tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền các bên đã góp vào mua đất, số tiền các bên đã nhận. Ngày 27/8/2018, là ngày các bên đem tiền vay từ ngân hàng về để tính toán lại số tiền đã góp và số tiền các bên nợ nhau để chia. Ông T cũng thừa nhận trong ngày 27/8/2018 sau khi các bên tính toán chia tiền xong, ông đã nhận số tiền 676.700.000 đồng (từ tiền vay Ngân hàng) đem về và ông Th, bà M nhận số tiền 113.300.000 đồng. Sau đó ông Th, bà M đã đưa lại cho ông T thêm số tiền 23.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền sau khi tính toán và chia xong, ông T thừa nhận đã nhận là 676.700.000 đồng + 23.600.000 đồng = 700.300.000 đồng. Ông Th, bà M nhận số tiền 89.700.000 đồng. Tổng 2 khoản tiền mà 2 bên đã nhận đúng bằng số tiền đã vay Ngân hàng là 790.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do có sự không thống nhất việc chia như trên nên đến ngày 20/10/2018, ông T đề nghị ông Th, bà Mến đem tiền để cho đủ số tiền vay 790.000.000 đồng để chia lại. Lẽ ra, nếu các bên muốn đem tiền để chia theo như số tiền vay từ Ngân hàng về thì các bên phải đem đúng bằng số tiền đã nhận vào ngày 27/8/2018. Tức ông T phải đem 700.300.000 đồng; ông Th, bà M đem số tiền 89.700.000 đồng. Nhưng ngày hôm đó ông Th, bà M lại đem số tiền 487.100.000 đồng (trong đó có tờ giấy ghi 26.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền mặt) mục đích chỉ để làm mẫu cho việc chia lại. Như vậy, số tiền 487.100.000 đồng không phải là số tiền vay từ Ngân hàng về. Số tiền 487.100.000 đồng là số tiền của ông Th, bà M vay từ ông Phan Văn N đem ra chỉ với mục đích thực hiện lại việc chia cho các bên hiểu. Nhưng trong quá trình chia ông T lại lấy đi số tiền 409.000.000 đồng.

Lời khai của các nhân chứng cũng đều khai ngày 20/10/2018, việc ông T, ông Th, bà M cùng đem số tiền 790.000.000 đồng để thực hiện việc chia cho việc góp mua đất và trong quá trình chia tiền ông T đã lấy đi số tiền đang chia.

Ông T cũng thừa nhận tờ giấy ghi ngày 20/10/2018 là do ông tự ghi tại UBND xã N. Tuy nhiên, ông lại cho rằng việc ghi như trên là bị ép buộc và ông đã ghi nhầm số tiền ông lấy, ông cho rằng ngày hôm đó ông đem đi số tiền 400.900.000 đồng, chứ không phải 409.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời khai của ông T lại không phù hợp, bởi lẽ tờ giấy trên là ông tự ghi và ghi tại UBND xã thì không có lý do gì và cũng không có chứng cứ gì thể hiện việc ông Th ép buộc ông ghi.

Như vậy, việc ông T lấy đi số tiền 409.000.000 đồng của vợ chồng ông Th, bà M là có thật. Đây cũng là số tiền ông bà đã đi vay mượn từ những người khác, không phải là tiền ông T vay Ngân hàng đem về để chia. Vì vậy, buộc ông T, bà C trả lại cho vợ chồng ông Th, bà M số tiền trên là phù hợp.

Đây là vụ án tranh chấp về kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, do ông T đã lấy đi số tiền của ông Th, bà M nên nay buộc ông bà phải trả lại số tiền trên. Đối với việc các bên cùng góp vốn với nhau để mua chung đất số tiền này các bên đã chia vào ngày trước đó, nếu có tranh chấp ông T phải có yêu cầu phản tố trong vụ kiện hoặc có yêu cầu khởi kiện bằng 1 vụ án khác để giải quyết. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có yêu cầu phản tố nên Tòa

án chỉ xem xét giải quyết vụ án về kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo yêu cầu của nguyên đơn.

Mặc khác, cũng cần phân tích thêm để các bên được rõ, việc các bên có góp vốn với nhau để mua đất, các bên cũng đã thống nhất số tiền góp vào, số tiền đã được nhận sau khi vay tiền từ Ngân hàng về. Và tính ra các bên đã góp, cộng tiền vay từ ngân hàng về, trừ đi số tiền góp mua đất thì các bên sẽ còn lại số tiền như sau:

- Ông Đặng Kim T đã đưa tiền mua đất ban đầu là 710.000.000 đồng + số tiền ông có được sau khi vay Ngân hàng là 263.300.000 đồng + số tiền cấn trừ nợ giữa ông và ông Th, bà M trả cho ông là 140.500.000 đồng (ông Th, bà M nợ ông 350.000.000 đồng – số tiền ông nợ ông Thụy, bà Mến 209.500.000 đồng = 140.500.000 đồng) = Tổng số tiền ông T có là 1.113.800.000 đồng – số tiền ông T góp mua đất là 496.600.000 đồng = số tiền ông T sẽ còn lại là 617.200.000 đồng.

- Ông Th, bà M đã đưa tiền mua đất ban đầu là 463.500.000 đồng + số tiền có được sau khi vay Ngân hàng là 263.300.000 đồng = 726.800.000 đồng – số tiền góp mua đất là 496.600.000 đồng – số tiền cấn trừ nợ ông T là 140.500.000 đồng = số tiền ông Th, bà M còn lại là 89.700.000 đồng.

- Ông S đã đưa tiền mua đất ban đầu là 320.000.000 đồng + số tiền có được sau khi vay Ngân hàng là 263.300.000 đồng = 583.300.000 đồng – số tiền góp mua đất là 496.600.000 đồng = số tiền ông S còn lại là 86.700.000 đồng.

Ông T cho rằng, ngày 27/8/2018 ông nhận số tiền 700.300.000 đồng là cả tiền của ông S vì ông chưa tính toán với ông S. Như vậy, với cách tính trên thì tổng tiền của ông và ông S cộng lại sẽ là: 617.200.000 đồng + 86.700.000 đồng = 703.900.000 đồng. Như vậy, việc các bên tính với nhau chỉ lệch số tiền ông đã nhận là 703.900.000 đồng – số tiền ông phải nhận là 700.300.000 đồng = 3.600.000 đồng.

Như vậy, việc ông lấy đi số tiền 409.000.000 đồng của ông Thụy, bà Mến là không đúng.

Với những nhận định như trên, buộc ông T, bà C trả cho ông Th, bà M số tiền 409.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thêm số tiền 250.000.000 đồng của ông Th, bà M, vì ông Th, bà M cho rằng mình bị thiệt hại do việc ông T lấy đi số tiền trên, do số tiền này ông bà mượn từ ông Phan Văn N, sau đó bà M mượn lại của bà Hà Thị U để trả số tiền này cho ông N. Bà U cho rằng, hiện tại bà cũng đang mượn tiền của người khác, lãi suất phải trả là 25.000.000 đồng/tháng đối với số tiền trên. Đồng thời, do ông T tự nguyện ghi giấy sẽ bồi thường gấp đôi số tiền 409.000.000 đồng nếu ông T sai, nên ông T, bà M đề nghị ông T, bà C trả số tiền 250.000.000 đồng là tiền ông bà đã trả lãi cho khoản vay 409.000.000 đồng tính từ ngày 20/10/2018 đến nay là 9 tháng và các chi phí thiệt hại khác do việc tranh chấp gây ra. Xét thấy, mặc dù trong giấy ký ngày 20/10/2018, ông T ghi "nếu sự việc ra Tòa bên đúng sẽ được nhận số tiền gấp đôi số tiền 409.000.000 đồng". Tuy nhiên, thỏa thuận trên lại không phù hợp với quy định pháp luật. Nhưng việc ông bà bị thiệt hại do việc ông T lấy đi số tiền trên, bà phải đi vay mượn số tiền trên, tức là lợi ích gắn liền với việc sử dụng tài sản của ông bà bị mất do ông bà phải chịu lãi suất cho việc vay mượn là có. Vì vậy, chỉ chấp nhận yêu

cầu bồi thường của ông Th, bà M đối với số tiền bị lấy đi theo mức lãi suất vay theo quy định pháp luật nếu có tranh chấp tại tòa. Và do bà U cho ông Th, bà M vay với số tiền lãi là 25.000.000 đồng/tháng đối với số tiền gốc là 409.000.000 đồng theo như mức bà vay từ người khác, tuy nhiên mức lãi trên không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Vì vậy, Tòa án chỉ chấp nhận mức lãi suất là 20%/năm (tức 1,67%/tháng) để tính thiệt hại mà ông Th, bà M phải chịu. Thời gian tính từ ngày ông T lấy số tiền 409.000.000 đồng là ngày 20/10/2018 đến ngày xét xử là 8 tháng 28 ngày.

Như vậy, số tiền buộc ông T, bà C phải bồi thường là 409.000.000 đồng x 20% = 81.800.000 đồng/12 tháng = 6.816.700 đồng/tháng x 8 tháng = 54.533.600 đồng + (6.816.700 đồng/30 ngày = 227.200 đồng x 28 ngày = 6.361.600 đồng) = 60.895.200 đồng.

[3] Về án phí: Buộc ông T, bà C phải nộp án phí DSST đối với số tiền buộc thực hiện là 469.895.200 đồng là 20.000.000 đồng + (69.895.200 đồng x 4% = 2.795.800 đồng) = 22.795.800 đồng.

Buộc ông Th, bà M phải nộp án phí DSST đối với yêu cầu không được chấp nhận là 250.000.000 đồng – 60.895.200 đồng = 189.104.800 đồng x 5% = 9.455.200 đồng.

* Về quan điểm của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: quan điểm của VKS là phù hợp 1 phần với quan điểm của HĐXX ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 BLTTDS;

- Căn cứ Điều 166, 468, 584, 589 BLDS 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là ông Hoàng Cơ Th và bà Đoàn Thị Hồng M.

- Buộc ông Đặng Kim T và bà Trần Nữ Nguyệt C trả cho ông Hoàng Cơ Th và bà Đoàn Thị Hồng M số tiền 409.000.000 đồng *(Bốn trăm lẻ chín triệu đồng)* và bồi thường số tiền 60.895.200 đồng *(Sáu mươi triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng)*.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Đặng Kim T và bà Trần Nữ Nguyệt C nộp án phí DSST số tiền 22.795.800 đồng *(Hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm đồng)*.

- Buộc ông Hoàng Cơ Th và bà Đoàn Thị Hồng M nộp án phí DSST số tiền 9.455.200 đồng *(Chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng)*. Khấu trừ vào số tiền 10.180.000 đồng tại biên lai thu tiền số 004620 ngày 08/01/2019 và số tiền 10.180.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 004752 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho ông Th, bà M số tiền 10.904.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy